TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01A/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 01 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.
2. Bà Lê Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 301/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Kim C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố 4, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Tống Đức T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà F, đường H, thôn G, xã M, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim C trình bày: Chị và anh Tống Đức T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2013. Do chung sống không hạnh phúc nên năm 2017 chị và anh T đã được Tòa án nhân dân huyện

Đức Linh giải quyết cho ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 191/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 15/11/2017. Sau đó, chị và anh T đã hàn gắn lại nên anh chị lại đăng ký kết tại UBND xã M, đăng ký kết hôn số 62/2018, ngày 02/8/2018. Tuy nhiên, chị cho rằng anh T vẫn tiếp tục ham mê cờ bạc, gây nợ nần, không lo làm kinh tế, không xây dựng hạnh phúc vợ chồng nên cuộc sống của chị và anh T sau khi hàn gắn lại cũng không hạnh phúc. Do thường xuyên mâu thuẫn nên chị và anh T đã ly thân đến nay gần nửa năm. Nay chị thấy rằng hôn nhân giữa chị và anh T đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2019, bà Bùi Thị Ch là mẹ ruột của anh Tống Đức T đã trình bày:

- Các văn bản tố tụng do Tòa án giao cho anh T mà gia đình bà đã nhận thay cho anh T, bà đã báo cho anh T biết. Nhưng do anh T đi làm ăn xa nên không đến Tòa án được.

- Về mâu thuẫn giữa chị C và anh T cụ thể như thế nào thì bà không biết, nhưng theo bà thì chị C tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà đã đến gặp cha mẹ chị C để nói chuyện, nhưng chị C không quay lại với gia đình bà. Chị C đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác trong lúc chị chưa ly hôn với anh T. Bà cũng trao đổi với anh T thì biết được nguyện vọng của anh là đồng ý ly hôn với chị C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn anh Tống Đức T không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Đoàn Thị Kim C ly hôn với anh Tống Đức T. Về tranh chấp nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không cần xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim C và anh Tống Đức T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã M năm 2018, đăng ký kết hôn số 62/2018, ngày 02/8/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị C đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nay chị C xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết ly hôn anh T. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho anh T đếnTòa án tham gia hòa giải nhưng anh không tham gia, qua đó thấy rằng anh T cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này, nên đã bỏ mặc cho chị C muốn làm gì thì làm. Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho chị C ly hôn anh T là phù hợp.

[b] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét, giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị C là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim C ly hôn anh Tống Đức T.

2. Về án phí DSST:

Chị Đoàn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025573 ngày 12 tháng 8 năm 2019. Chị C đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (07/01/2020). Báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện D;*
- *Chi cục THA huyện D;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã M;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**